

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo Công văn số 5233/UBND-KT ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu;

Xét Công văn số 3419/UBND-BQLDA ngày 23/12/2024 của UBND huyện Thuận Châu về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-STNMT ngày 06/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Thuận Châu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với những nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT - Hiệu 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
BỐ TRÍ, SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI SẠT LỖ ĐẤT BẢN HUỖI SÓI,
XÃ CHIỀNG NGÀM, HUYỆN THUẬN CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 01/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu.
- Địa điểm thực hiện: Xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án: UBND huyện Thuận Châu.
- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**1.2.1. Phạm vi**

- Dự án thuộc địa phận bản Tam, bản Mện, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các nội dung: (1) Bồi thường, giải phóng mặt bằng, phá dỡ các công trình hiện hữu; (2) Khai thác nước mặt, nước dưới đất; (3) Khai thác các loại nguyên liệu, vật liệu phục vụ thi công hạng mục công trình của dự án; (4) Đánh giá lũ quét, sạt lở đất do thiên tai.

1.2.2. Quy mô, công suất

- Dự án có tổng diện tích đất là: 4,98 ha (*trong đó: 5.000 m² hiện trạng đất trồng lúa; 30.897 m² đất trồng cây nông nghiệp; 2.417 m² đất nuôi trồng thủy sản; 2.159 m² đất ở nông thôn; 2.624 m² đất đường giao thông*).
- Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu đã được HĐND tỉnh Sơn La phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 31/01/2024.
- Quy mô dự án bao gồm các hạng mục.
 - + San ủi nền nhà: San ủi 41 nền nhà (*gồm 40 hộ + 01 Nhà văn hóa*), diện tích mỗi nền bình quân từ 250m² ÷ 280 m²; xây dựng kè bảo vệ nền nhà với chiều dài khoảng 250m.
 - + Xây dựng 01 nhà văn hóa: Diện tích 120m² và các hạng mục phụ trợ.
 - + Cấp điện sinh hoạt gồm: Tuyến đường dây 35kV, xây dựng mới 01 trạm biến áp 50kVA-35/0,4kV cấp điện cho 40 hộ dân và 01 nhà văn hóa; xây dựng tuyến đường

dây 0,4 kV sau trạm biến áp Huồi Sỏi để phục vụ cấp điện; hệ thống công tơ điện cấp mới: 41 cái.

+ Cấp nước sinh hoạt: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 40 hộ dân và 01 nhà văn hóa, gồm tuyến đường ống, bể chứa, téc nước, mố đỡ, hố van xả cạn, hố van xả khí, hố van điều tiết, ... đảm bảo theo quy định.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính của dự án đầu tư: San nền, Xây dựng 01 nhà văn hóa, cấp điện sinh hoạt, cấp nước sinh hoạt.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Phát quang thực vật, giải phóng mặt bằng;

+ Xây dựng các hạng mục công trình của dự án;

+ Hoạt động đào đắp đất, san nền nhà ở;

+ Xây dựng, lắp đặt các công trình phụ trợ (*kho bãi, lán trại, đường thi công,...*)

+ Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; vận chuyển đất đá thải trong giai đoạn thi công đến vị trí bãi thải.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất đối với 5.000 m² đất trồng lúa 2 vụ là yếu tố nhạy cảm về môi trường; đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La cho phép chuyển đổi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 02/10/2024.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật, nạo vét tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công, vận chuyển đất đá đổ thải đến bãi đổ thải trong quá trình thi công dự án:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau: Từ quá trình đào đắp trong quá trình san nền; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; vận chuyển đất đá đổ thải, quá trình bốc xúc nguyên vật liệu; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy móc, thiết bị thi công xây dựng...

+ Nước thải (*gồm nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn*) phát sinh từ các nguồn sau: Từ các hoạt động của công nhân trong thi công, từ quá trình phối trộn vật liệu, vệ sinh thiết bị, máy móc... và từ nước mưa chảy tràn trên

khu vực thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn phát sinh từ các nguồn sau: Từ hoạt động phát quang thực vật, đất đá đổ thải; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại.

+ Tiếng ồn do hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (*máy đầm, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...*) và tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân.

- Bụi và khí thải phát sinh do quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông của người dân.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân.

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại 05 ngăn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 30 công nhân, với lưu lượng 3,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (*BOD₅, COD*), các chất dinh dưỡng (*N, P*) và vi sinh vật.

- Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, máy móc,... với lưu lượng khoảng 0,96 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm chất rắn lơ lửng, *BOD₅, COD*, tổng dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh tại khu vực dự án là 47.606 m³/ngày (*trong đó khu vực bãi thải là 285 m³/ngày*). Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (*BOD₅, COD*), các chất dinh dưỡng (*N, P*) và dầu mỡ.

b) Bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ quá trình đào, đắp, san nền; quá trình vận chuyển, bốc xúc nguyên vật liệu, vận chuyển đất đá đổ thải.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân với lưu lượng khoảng 24 kg/ngày. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, nilon,

nhựa, thủy tinh, vỏ hoa quả, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh cụ thể như sau:

+ Chất thải rắn từ quá trình vét hữu cơ từ đất trồng lúa ước tính khoảng 4.368,95 m³;

+ Đất đá đổ thải từ quá trình đào, đắp, san nền của dự án: 4.840,34 m³;

+ Khối lượng sinh khối thực vật: 25,8 tấn;

+ Chất thải rắn xây dựng loại bỏ khác khoảng 2,63 tấn, bao gồm bao xi măng, sắt thép vụn, gạch vỡ, xi măng thải....

b) Chất thải nguy hại (CTNH)

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các máy móc, phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công. Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh như sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/quá trình)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	3
2	Dầu mỡ thải	16 01 08	15
3	Thùng chứa dầu thải	14 01 08	50
4	Đầu mẫu que hàn thải	07 01 01	1
	Tổng		69

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn do hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (*máy đầm, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...*) và tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng đất; tác động từ việc di chuyển đường điện; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do sự cố như: Sự cố trượt sạt đất đá trong quá trình đào đắp tại dự án và tại bãi thải; Sự cố tai nạn lao động; sự cố do thiên tai (*mưa lớn, bão lũ*).

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh 16,56 m³/ngày. Thông số đặc trưng ô nhiễm: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (*BOD₅, COD*), các chất dinh dưỡng (*N, P*) và vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn khoảng 40.867 m³/ngày. Thông số đặc trưng ô nhiễm: độ đục, TSS và một số thông số ô nhiễm khác có trong nước tại thủy vực tiếp nhận.

b) Bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh do quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông của người dân. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO, ...

- Mùi từ hệ thống xử lý nước thải: mùi hôi phát sinh tại phạm vi đặt hệ thống xử lý, các chất khí NH₃, H₂S, CH₄,... Ngoài ra, còn phát sinh mùi từ khu vực tập kết rác thải và các thùng chứa rác thải, thành phần chủ yếu gồm: CO₂, NH₃, H₂S, CH₄,...

3.2.2. Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của người dân với khối lượng khoảng 172 kg/ngày. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng đồ uống bằng nylon, nhựa, thủy tinh, vỏ hoa quả,...

- Bùn từ các bể tự hoại: 8m³/năm. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, phương tiện giao thông của người dân.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến hoạt động giao thông khu vực; tác động tới kinh tế - xã hội.

- Các rủi ro sự cố: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh: Lắp đặt nhà vệ sinh di động phù hợp tại khu vực công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

+ Kích thước ($D \times R \times C$): 90 x 130 x 242 cm;

+ Vật liệu: Modul nguyên khối, vật liệu Composite;

+ Nội thất đầy đủ: bệ bệt, vòi nước, chậu rửa, bệ tiểu nam, hệ thống chiếu sáng và thông gió;

+ Nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ: Bể chứa chất thải: 4.000lít; bể dự trữ nước: 350lít.

- Nước thải từ quá trình rửa bát đĩa, tay chân: Bố trí 01 bể lắng 02 ngăn (*kích thước 1,2×1×1m*) tại khu phụ trợ để thu gom, xử lý cặn, các chất lơ lửng có kích thước lớn, sau đó tiếp tục cho chảy qua ngăn sỏi lọc để lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng có kích thước nhỏ hơn, sỏi lọc có khả năng hấp thụ các chất ô

nhiễm trong nước thải. Sau khi qua ngăn sỏi lọc nước thải sinh hoạt được thải ra môi trường tiếp nhận.

b) Nước thải xây dựng

- Nước thải không nhiễm bẩn dầu mỡ: Tại công trường bố trí 2-3 thùng phuy chứa nước dung tích 220 lít phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng dùng cho phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi công trường.

- Nước thải chứa dầu mỡ: bố trí mương tạm thu gom vào hố ga $1,5 \text{ m}^3$ ($1 \times 1,5 \times 1 \text{ m}$) có vách ngăn để thu lại văng dầu bằng các vật liệu hấp phụ thấm dầu (*vải thấm dầu*). Sau đó vải này được thu gom và vận chuyển đến kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời của dự án. Lượng nước sau khi lắng cặn và vớt văng dầu được tận dụng để tưới mặt bằng không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải hoạt động rửa lốp xe: Bố trí 01 khu vực rửa lốp xe có diện tích 12 m^2 ($4 \times 3 \text{ m}$) và các đường rãnh để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường vào hố lắng có kích thước $1 \times 1,5 \times 1 \text{ m}$. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước đập bụi trên công trường thi công.

c) Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa trong khu vực được thu gom và đầu nối với hệ thống thoát nước dọc theo tuyến đường thoát qua cống và ống thoát nước ra suối Muội khu vực dự án.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước.

- Để đảm bảo thoát nước mặt của đường phân tiếp giáp nền đường với bãi thải thiết kế cao độ đỉnh bãi thải thấp hơn 0,3m so với cao độ tim đường. Mặt trên của bãi đổ thải thiết kế san gạt tạo dốc 3-4% hướng ra ngoài taluy âm. Thiết kế rãnh thoát nước kích thước $0,5 \times 0,5 \text{ m}$ để thoát nước.

4.1.1.2. Bụi, khí thải

- Các ô tô vận tải phải thực hiện đúng các quy định giao thông: có bạt che phủ, không làm rơi vãi đất đá, vật liệu thải bỏ để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường, các xe vận tải không được chở quá tải trọng cho phép đối với từng loại xe và với tính chất cơ lý của nền đường.

- Không hoạt động vận chuyển và thi công vào giờ cao điểm về mật độ giao thông và giờ nghỉ ngơi của nhân dân khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái tốt nhất.

- Không sử dụng các loại phương tiện không đạt tiêu chuẩn đăng kiểm.

- Lắp đặt biển báo giao thông trong và ngoài khu vực dự án.

- Bố trí 01 khu vực rửa lốp xe tại khu phụ trợ để làm sạch lốp xe và gầm xe tại khu vực này trước khi ra khỏi công trường.

- Tiến hành phun tưới ẩm tần suất 2-4 lần/ngày tại các khu vực thi công

nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí.

4.1.1.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.1.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt được phân làm 03 loại bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác. Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng (*chất liệu nhựa HDPE*) tại khu vực lán trại công nhân để thu gom, lưu giữ chất thải và phân loại như sau:

- Chất thải rắn có khả năng, tái chế, tái sử dụng như vỏ chai, thủy tinh, kim loại, nilon, giấy... sẽ tận thu để tái sử dụng, tái chế hoặc chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải thực phẩm như rau, vỏ hoa quả và các thức ăn thừa... được thu gom tập trung trong các thùng chứa, tạo điều kiện cho công nhân hoặc các hộ dân gần khu vực dự án tận dụng làm phân bón hoặc thức ăn chăn nuôi.

- Các loại chất thải rắn vô cơ không sử dụng được vào các mục đích trên sẽ được đơn vị chức năng trên địa bàn thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

b) Chất thải sinh khối thực vật phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng ước tính 25,8 tấn được tận dụng làm chất đốt, phân bón, thức ăn chăn nuôi.

c) Chất thải rắn xây dựng gồm bao xi măng, sắt thép vụn phát sinh khoảng 2,63 tấn sẽ được bàn giao cho cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn; bê tông thải, gạch vỡ được dùng để san lấp mặt bằng cho dự án.

d) Khối lượng đất hữu cơ bóc tách từ tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa và đất đá thải của dự án phát sinh: 9.209,29 m³, trong đó đất đá thải 4.840,34 m³ và đất hữu cơ bóc tách tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa là 4.368,95 m³ sẽ được vận chuyển đến bãi thải cũ thuộc quyền quản lý của UBND xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu.

- Phương án đổ thải: Bãi thải sẽ được chia thành 2 khu vực, cụ thể như sau:

- + Khu vực tập kết 4.368,95m³ đất hữu cơ được bố trí phía Đông bãi thải với diện tích 1.531,6m².

- + Khối lượng đất đá thải là 4.840,34 m³ sẽ được bố trí tại phía Tây bãi thải với diện tích 2.045,45m². Việc đổ thải được tiến hành từ dưới lên trên, bãi thải phát triển từ trong ra ngoài, với chiều cao tầng 2-3m; dùng máy ủi và máy lu để san gạt và đầm lèn.

- Chủ dự án cam kết lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018 và Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Cam kết không làm thay đổi mục đích sử dụng đất sau khi đổ thải.

- Giải pháp thoát nước: Để đảm bảo thoát nước mặt của đường phân tiếp giáp nền đường với bãi thải thiết kế cao độ đỉnh bãi thải thấp hơn 0,3m so với cao độ tim đường. Mặt trên của bãi đổ thải thiết kế san gạt tạo dốc 3-4% hướng ra ngoài taluy âm. Thiết kế rãnh thoát nước kích thước 0,5×0,5m để đảm bảo khả năng thoát nước bề mặt tại bãi thải.

- San gạt tạo mặt bằng trong quá trình đổ thải, đảm bảo thoát nước mặt.

- Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải... Các biện pháp này là để chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.

- Hoàn nguyên vị trí bãi thải.

- Giám sát bãi thải trong suốt quá trình thi công bao gồm: Lượng đất đá đổ thải, xe ra vào bãi đổ thải, giám sát các vấn đề liên quan đến sụt lún, sạt lở.

- Các công việc cơ bản nêu trên phải được thực hiện thường xuyên trong suốt thời gian thi công công trình.

4.1.1.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 5m² bên ngoài kho có dẫn biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định. Kho đảm bảo che kín nắng mưa, nền không bị thấm thấu. Trong kho 04 thùng chuyên dụng lưu giữ dung tích 60 lít/thùng, trên các thùng có dán nhãn mã số chất thải nguy hại riêng biệt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/giai đoạn thi công hoặc theo thực tế phát sinh.

- Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các phương tiện vận tải và thiết bị xây dựng với tiếng ồn thấp, độ ồn không quá 90dB.

- Bảo dưỡng thiết bị thi công trong điều kiện vận hành tốt nhất và ở mức ồn thấp nhất có thể.

- Không hoạt động vận chuyển và thi công vào giờ cao điểm về mật độ giao thông và giờ nghỉ ngơi của nhân dân khu vực.

- Ưu tiên sử dụng các thiết bị, công nghệ thi công tiên tiến, hiện đại giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động môi trường tại dự án và khu vực lân cận.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.1.1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi, chiếm dụng đất

UBND huyện Thuận Châu thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất theo đúng trình tự, quy định của nhà nước.

4.1.1.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc di chuyển đường điện

- Phối hợp với Điện lực khu vực Thuận Châu – Quỳnh Nhai khảo sát, thống nhất hướng tuyến. Ưu tiên thực hiện thi công lắp đặt mới tuyến đường dây theo thiết kế. Sau khi xây dựng hoàn thiện ĐZ 35kV mới thì tiến hành tháo dỡ đoạn tuyến ĐZ 35kV cũ.

- Chủ dự án phối hợp với Điện lực khu vực Thuận Châu - Quỳnh Nhai phải lập phương án cắt điện trước từ 5-10 ngày để bố trí cắt điện, công tác cắt điện thi công phải thực hiện bằng phiếu đóng cắt điện, treo biển báo cắt điện thi công tại cầu dao nguồn đồng thời khi phiếu cắt điện được chuyển tới điểm thi công thì chỉ huy thi công mới phát lệnh triển khai thi công, lập các hệ thống tiếp đất di động tại hai đầu khoảng đường dây vượt qua.

- Thực hiện di dời các cột điện, rải căng dây đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo đúng Nghị định số 14/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lập phương án đăng ký cắt điện với đơn vị quản lý vận hành lưới điện.

- Đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo quy định.

4.1.1.5.3. Biện pháp giảm thiểu tác động giao thông khu vực

- Thông báo cho người dân kế hoạch triển khai thi công;

- Bố trí biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh công trường;

- Quy định hạn chế tốc độ di chuyển của phương tiện vận chuyển;

- Cuối ngày thu dọn vật liệu xây dựng, đất đá rơi vãi;

- Che chắn các phương tiện di chuyển bằng bạt, hạn chế việc rơi vãi nguyên liệu trong quá trình vận chuyển.

- Cam kết hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông khi xảy ra trường hợp làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông khu vực trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đồ thải của dự án.

4.1.1.5.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố trượt sạt đất đá trong quá trình đào đắp trong quá trình thi công và tại bãi thải

- Tại các hạng mục thi công công trình:

+ Tuân thủ đầy đủ yêu cầu về nội quy an toàn lao động trên công trường.

+ Tăng cường giám sát khu vực thi công trước và sau các đợt mưa lớn.

+ Thực hiện gia cố cẩn thận trước khi thi công để tránh sạt trượt.

- Tại khu vực đổ thải:

- + Không đổ thải vượt dung tích chứa của bãi thải.
- + Đổ thải đúng trình tự: Đổ từ dưới lên tạo thành mặt bằng và nâng độ cao dần.
- + Thiết kế rãnh đất thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, có kè chân đắp bãi thải để ngăn sạt lở và đất đá bị nước mưa cuốn trôi.
- + Thiết kế mái ta luy phù hợp, đầm nén chặt đảm bảo tránh hiện tượng sạt trượt mái ta luy tại bãi thải.
- + Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục liên quan đến đào đắp vào mùa mưa lũ.
- + Quay chắn khu vực đổ thải bằng tường chắn đất hoặc kè rọ đá,... sao cho phù hợp với vật liệu đổ thải và địa hình bãi thải nếu cần thiết.
- + San ủi khu vực đổ thải và ổn định các mái dốc hình thành trong quá trình đổ thải.
- + Trường hợp xảy ra sự cố thì dừng hoạt động đổ thải, khắc phục sự cố bằng cách xúc toàn bộ lượng đất, đá thải bị sạt lở tại bãi thải, tiến hành gia cố bãi thải.
- + Sau khi kết thúc đổ thải, bãi thải sẽ được hoàn nguyên. Phương pháp hoàn nguyên: San gạt, đầm nén chặt, tạo bề mặt địa hình tương đối phẳng. Trồng cây xanh kết hợp với các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao để tăng khả năng giữ đất, hạn chế sạt, trượt, xói mòn.

b) Sự cố tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, phòng hộ lao động trước khi vào công trường;
- Chủ đầu tư giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công các công trình, hạng mục theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn thiết bị trước khi sử dụng;
- Lập kế hoạch ứng phó sự cố khi xảy ra tai nạn.
- Lắp đặt hệ thống báo hiệu thi công công trình: Biển phía trước có công trường thi công, biển đi chậm.

4.2. Giai đoạn hoạt động

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn chỉnh trên mặt bằng dự án với độ dốc thiết kế tối thiểu đảm bảo tính tự chảy tốt, thoát nhanh và không gây ngập úng vào những ngày có cường độ mưa lớn. Nước mưa được thu gom vào các ga thu nước mưa, đổ vào các nhánh sau đó vào cống thoát nước chính. Định kỳ kiểm tra nạo vét, khơi thông cống, rãnh thoát nước mưa.
- Nước thải sinh hoạt: Dự án thiết kế bố trí 14 hố ga thu nước thải từ các bể tự hoại các hộ dân bằng ống PVC D110. Đường ống thoát nước sử dụng ống PVC D160 dẫn nước từ các hố ga về các bể xử lý 5 ngăn (*Bể BASTAF*). Nước sau xử lý đạt cột A,

QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra suối Muội.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giảm thiểu mùi hôi từ điểm tập kết rác thải: Các điểm tập kết rác của dự án được bố trí tại các khu vực xa dân cư. Đồng thời, tần suất chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom của địa phương sẽ là thường xuyên, liên tục, tránh để tình trạng ứ ứ chất thải sinh hoạt dẫn tới gây mùi.

- Bố trí trồng cây xanh xung quanh dự án để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến cống nhằm giảm thiểu tối đa sự cố tắc nghẽn; định kỳ thu gom chất thải rắn tại các hố ga.

4.2.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt

+ Thực hiện phân loại rác tại nguồn đảm bảo theo quy định.

+ Đối với chất thải hữu cơ (*thức ăn thừa, rau củ quả...*): được thu gom tập trung trong các thùng chứa để các hộ dân khu vực dự án tận dụng làm phân bón hoặc thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế (*thùng cactong, bao bì,...*): được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế: người dân sẽ tự thu gom lượng rác thải và bỏ rác tại các thùng chứa rác được bố trí trên các tuyến đường.

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại 05 ngăn: Khi lượng bùn trong bể tự hoại đầy cần thuê đơn vị đủ chức năng đến hút bùn cạn và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe trong khu vực ($\leq 40 \text{ km/h}$).

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn giao thông

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân khi tham gia giao thông.

- Quy định hạn chế tốc độ di chuyển của phương tiện vận chuyển.

b) Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy cũng như việc sử dụng các phương tiện, dụng cụ phòng cháy chữa cháy;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, việc lắp đặt sử dụng các thiết bị điện đúng tiêu chuẩn ngành điện nhằm đề phòng sự cố quá tải, chập mạch điện.

c) Biện pháp giảm thiểu sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, tránh gây ngập úng, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước khu vực; dọn dẹp, vệ sinh đường và các khu nhà, không để rác thải rơi xuống hệ thống thoát nước khu vực gây tắc nghẽn dòng chảy.

- Đảm bảo cấp nước, cấp điện từ các nguồn ổn định, đúng theo quy hoạch của khu vực, đáp ứng đủ tiêu chuẩn cấp điện, cấp nước cho toàn bộ dự án;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống cấp, thoát nước của dự án để kịp thời phát hiện sự cố. Khi phát hiện sự cố hỏng hóc, vỡ, tắc đường ống cần kiểm tra và sửa chữa kịp thời.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại, bao gồm:

+ Số lượng phát sinh (*kg/quá trình*), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (*thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý*).

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên.

+ Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (*theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường*).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, chủ đầu tư dự án thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo tính an toàn trong phòng ngừa sự cố do thiên tai, sạt lở gây ra.

6.2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau

a) Thực hiện trách nhiệm sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt theo quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, các nội dung của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình thi công, vận hành dự án.

b) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, khoáng sản, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

c) Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu tác động đồng thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả và thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

d) Cấm mốc giới khu vực thi công dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân về khu vực thực hiện dự án, tuyến đường vận chuyển và khu vực đổ thải (*về thời gian và địa bàn thi công*).

e) Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, giám sát môi trường và tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

g) Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bãi đổ thải. Không thay đổi mục đích sử dụng đất sau khi đổ thải.

h) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và chỉ được phép triển khai các bước tiếp theo sau khi có kết quả thẩm định đảm bảo theo quy định.

i) Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

k) Cam kết vận hành hệ thống xử lý đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra suối Muội. Trường hợp cần thiết tiến hành đổi mới công nghệ, cải tạo nâng cấp các công trình để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phân vùng chức năng nguồn nước theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

l) Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./.